

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 31/5/2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Trầm

Bà Phạm Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Chấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2021/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TM; địa chỉ: 108 T, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L – Phó giám đốc Ngân hàng TM– Chi nhánh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 1116/UQ-HĐQT- NHCT18 ngày 20/9/2021), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S; đều có địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2021 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ngày 05/8/2020, Ngân hàng TM - Chi nhánh Quảng Trị và ông Nguyễn Gia T, bà Nguyễn Thị S đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 0508/2020/HĐCVHM/NHCT450-NGUYENGIATAN. Theo đó, Ngân hàng cam kết cho ông T, bà S vay vốn với hạn mức tín dụng là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 05/8/2020 đến 05/8/2021, nghĩa vụ trả gốc, thanh toán tiền lãi và phí, các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên.

Ngày 05/8/2020, ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S đã được giải ngân số tiền cho vay là 350.000.000 đồng theo giấy nhận nợ cùng ngày, lãi suất thỏa thuận thả nổi theo chương trình tính dụng “lãi suất ưu đãi-vững chãi tương

lai”. Tại thời điểm nhận nợ ngày 05/8/2020 lãi suất ưu đãi là 8,2%/năm, thời hạn trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn ưu đãi lãi suất là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Tần suất điều chỉnh lãi 01 tháng/01 lần. Sau thời hạn áp dụng lãi suất ưu đãi nói trên, lãi suất cho vay được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau + biên độ 5,1%/năm. Sau khi nhận tiền vay, ông T, bà S trả lãi cho Ngân hàng được 05 kỳ, đến thời hạn trả nợ gốc thì ông T, bà S không trả nợ như cam kết nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ này qua nợ quá hạn từ ngày 06/02/2021. Ngày 01/3/2021, ông T, bà S có trả cho Ngân hàng 4.051.384 đồng lãi quá hạn và 1.047.120 đồng lãi chậm trả lãi.

Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông T, bà S không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như đã cam kết tại hợp đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện về mặt thời gian. Do đó, Ngân hàng TM khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng 409.083.839 đồng. Trong đó:

Nợ gốc là 350.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn là 1.616.727 đồng;

Nợ lãi quá hạn là 37.659.027 đồng;

Nợ lãi chậm trả là 19.808.085 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng ký ngày 05/8/2020 cho đến khi tất toán khoản vay.

Ngoài ra phía Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S. Tuy nhiên, ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không đến Tòa án làm việc theo thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng TM số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, đồng thời buộc ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TM khởi kiện ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải trả nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 0508/2020/HĐCVHM/NHCT450-NGUYENGIATAN nên xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã Hải Phong, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S nhưng ông T, bà S không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, cần chấp nhận ý kiến của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S.

[4]. Về nội dung vụ án: Hợp đồng hạn mức số 0508/2020/HĐCVHM/NHCT450-NGUYENGIATAN ký kết ngày 05/8/2020 giữa Ngân hàng TM - Chi nhánh Quảng Trị với ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S là hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực giao dịch dân sự nói chung và hợp đồng tín dụng nói riêng nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên tham gia giao dịch. Ngày 05/8/2020 ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S đã nhận số tiền vay là 350.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ghi cùng ngày nên ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo cam kết.

[5]. Xét về khoản nợ gốc: Theo cam kết tại mục 1.05 của hợp đồng thì *“Thời hạn cho vay của từng khoản vay tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của khoản nợ vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng”*. Như vậy, ngày 05/8/2020 ông T, bà S nhận tiền vay bằng giấy nhận nợ thì đến ngày 05/02/2021 ông T, bà S phải trả hết nợ gốc đối với khoản vay nói trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn nhưng ông T, bà S không trả nợ gốc cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải có trách

nhiệm trả cho Ngân hàng TM - Chi nhánh Quảng Trị nợ gốc là 350.000.000 đồng.

[6]. Xét về khoản nợ lãi: Hợp đồng tín dụng đã được xác lập và thỏa thuận giữa các bên về mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng. Vì vậy, Ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả các khoản tiền lãi theo cam kết tại hợp đồng tín dụng.

[6.1]. Về nợ lãi trong hạn:

Tại điểm a khoản 2.01 Điều 2 của hợp đồng có nội dung “*Lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất*”. Theo nội dung các bên thỏa thuận, thời hạn trả lãi là vào ngày 15 hàng tháng, lãi suất là 8.2%/năm, từ lúc nhận tiền vay, ông T, bà S đã trả được 05 kỳ tiền lãi tương ứng với 05 tháng tính từ ngày giải ngân. Kỳ trả tiền lãi thứ 06, từ ngày 15/01/2021 đến ngày 05/02/2021 ông T, bà S mới trả được 34.506 đồng do hệ thống tự động trích tiền có tài tại khoản của ông T, bà S mở tại Ngân hàng để thu hồi nợ nên ông T, bà S phải cho Ngân hàng số tiền lãi này là:

$350.000.000đ \times 8.2\%/365\text{ngày} \times 21\text{ ngày} = 1.651.233\text{ đồng} - 34.506\text{ đồng} = 1.616.727\text{ đồng}.$

[6.2]. Về khoản nợ lãi quá hạn:

Tại điểm b khoản 2.01 Điều 2 của hợp đồng có nội dung “*Trường hợp dư nợ gốc bị chuyển quá hạn theo quy định tại Điều 5.2 và Điều 9.2 phần điều kiện, điều khoản chung của hợp đồng này thì bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại Điều 2.01 tại thời điểm chuyển nợ qua hạn*”. Số tiền gốc được chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 06/02/2021, đồng thời tại thời điểm này cũng hết thời hạn ưu đãi lãi suất và lãi suất của Ngân hàng TM công bố là 9.1%/năm. Do đó, bên vay phải chịu khoản nợ lãi quá hạn là:

$350.000.000\text{đồng} \times 9.1\%/năm/365\text{ngày} \times 478\text{ ngày} = 41.710.411\text{đồng}.$

Ngày 01/3/2021, ông T, bà S có trả cho Ngân hàng 4.051.384 đồng lãi quá hạn nên số tiền lãi quá hạn ông T, bà S còn phải trả cho Ngân hàng là: 37.659.027 đồng.

[6.3]. Về lãi suất chậm trả lãi:

Tại điểm b khoản 2.01 Điều 2 của hợp đồng có nội dung “*Trường hợp bên vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền lãi nào theo Hợp đồng này (bao gồm trường hợp bên vay được bên cho vay chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Điều 5.1 phần điều kiện, điều khoản chung của hợp đồng này) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 150%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Do đó, số tiền lãi chậm trả lãi bên vay phải trả là:

$350.000.000\text{đồng} \times 9.1\%/năm/365\text{ngày} \times 478\text{ ngày} \times 50\% = 20.855.205\text{ đồng}.$

Ngày 01/3/2021, ông T, bà S có trả cho Ngân hàng 1.047.120 đồng lãi ậm trả lãi nên số tiền chậm trả lãi ông T, bà S còn phải trả cho Ngân hàng là: 19.808.085 đồng.

[7]. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của Ngân hàng TM là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, buộc ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng TM - Chi nhánh Quảng Trị tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2022 là 409.083.839 đồng, trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.616.727 đồng; nợ lãi quá hạn là 37.659.027 đồng; nợ lãi chậm trả là 19.808.085 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

[8] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM.

Buộc ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng TN và trả tại Chi nhánh tỉnh Quảng Trị tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2022 là 409.083.839 đồng. Trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.616.727 đồng; nợ lãi quá hạn là 37.659.027 đồng; nợ lãi chậm trả lãi là 19.808.085 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0508/2020/HĐCVHM/NHCT450-NGUYENGIATAN ký ngày 05/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Thị S phải chịu 20.363.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TM – Chi nhánh Quảng Trị số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.550.000 đồng theo biên lai số CC/2021/0000021 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Hải Lăng;
- THADS Hải Lăng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Khánh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Hải Lăng;
- UBND xã Hải Chánh;
- Đương sự;
- THADS Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Khánh

